

Bản án số: 32/2026/LĐ-ST

Ngày 08 - 9 - 2026

V/v “*Tranh chấp bảo hiểm xã hội*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Diện**

Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Kim Ngân** và ông **Nguyễn Văn Đích**

Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Bích Hậu** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Quỳnh Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 81/2026/TLST-LĐ ngày 06.7.2026 về việc: “*Tranh chấp bảo hiểm xã hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1044/2026/QĐXXST-LĐ ngày 10.8.2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 161/2026/QĐST-LĐ ngày 28.8.2026, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Lê Văn M** - Sinh năm 1972. Số CCCD: 048072007724 cấp ngày 28.6.2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C. Địa chỉ: Tổ I, phường S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền là bà Huỳnh Thị Phương G (sinh năm 1981). Địa chỉ: Tổ D, phường H, thành phố Đà Nẵng và bà Lê Thị Ngọc O (sinh năm 1980). Địa chỉ: Tổ A, phường C, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền số công chứng: 002401/2026/CCGD ngày 20.7.2026 của Văn phòng C1 - Đà Nẵng), có mặt.

Bị đơn: **Công ty Cổ phần C2**. Địa chỉ trụ sở: Cụm C - H, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh. Người đại diện theo pháp luật là ông Lưu Văn T. Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ Chi nhánh I - Công ty Cổ phần C2 tại Đà Nẵng. Số A T, phường N, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Bảo hiểm xã hội Cơ sở Hòa Cường - Bảo hiểm xã hội thành phố Đ**. Địa chỉ: Số B - B N, phường H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Hoàng Y (sinh năm 1983); CCCD số:

045183008135 do Bộ C cấp ngày 17.4.2024. Chức vụ: Phó giám đốc (Giấy ủy quyền số 699/GUQ-BHXXH ngày 29.7.2026), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11.01.2026 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Văn M trình bày:

Ông Lê Văn M làm việc tại Chi nhánh I - Công ty Cổ phần C2 tại Đà Nẵng từ năm 2017, có mã số bảo hiểm là 4816102514. Công ty ký kết hợp đồng, trả lương và trích tiền lương để đóng các khoản bảo hiểm cho ông Lê Văn M theo quy định pháp luật. Ông Lê Văn M làm việc đến tháng 07.2023 thì nghỉ việc nhưng do Công ty Cổ phần C2 còn nợ tiền bảo hiểm nên ông Lê Văn M không chốt được sổ bảo hiểm để giải quyết quyền lợi của người lao động khi nghỉ việc. Vì vậy, ông Lê Văn M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần C2 phải nộp tiền bảo hiểm xã hội cho ông Lê Văn M tính từ năm 2019 đến tháng 07.2023 là 44.913.000 đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần C2 đã được thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M và không đến Tòa án để giải quyết vụ việc.

Tại Văn bản số: 690/BHXXH-BPQLT ngày 29.7.2026; Văn bản số: 854/BHXXH-BPQLT ngày 07.9.2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội Cơ sở H trình bày:

Ông Lê Văn M có thời gian tham gia Bảo hiểm xã hội (BHXXH), bảo hiểm y tế (BHYT), tham gia bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN) tại Chi nhánh I - Công ty Cổ phần C2 từ tháng 06.2017 đến tháng 04.2021 (47 tháng) và từ tháng 02.2022 đến tháng 7.2023 do Bảo hiểm xã hội Cơ sở H trực tiếp thu.

Tính đến ngày 08.9.2026 thì số tiền chưa đóng bảo hiểm xã hội và tiền lãi chậm đóng phát sinh của ông Lê Văn M là 75.265.681 đồng, bao gồm: nợ tiền bảo hiểm là 50.743.000 đồng (bảo hiểm xã hội là 42.035.000 đồng, bảo hiểm y tế là 5.598.000 đồng, bảo hiểm thất nghiệp là 2.488.000 đồng, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là 622.000 đồng), tiền lãi chậm đóng là 24.522.681 đồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Lê Văn M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào số liệu thực tế do cơ quan quản lý là Bảo hiểm xã hội Cơ sở H cung cấp để giải quyết vụ việc.

Bị đơn Công ty Cổ phần C2 đã được triệu tập để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội Cơ sở H - Thành phố Đà

Năng giữ nguyên ý kiến và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm mở phiên tòa và tại phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 168 Bộ luật lao động, Điều 9 và Điều 13 Luật Bảo hiểm xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M. Buộc Công ty Cổ phần C2 phải đóng tiền bảo hiểm xã hội vào quỹ của đơn vị thu là Bảo hiểm xã hội Cơ sở Hòa Cường - Bảo hiểm xã hội thành phố Đ cho ông Lê Văn M tính đến ngày 08.9.2026 là 50.743.000 đồng (BHXH 42.035.000 đồng, BHYT 5.598.000 đồng, BHTN 2.488.000 đồng, BHTNLĐ.BNN 622.000 đồng) và tiền lãi chậm đóng là 24.522.681 đồng, tổng cộng là 75.265.681 đồng và tiếp tục chịu tiền lãi do chậm đóng bảo hiểm xã hội cho cơ quan bảo hiểm xã hội từ ngày 09.9.2026 với mức lãi suất theo quy định pháp luật về bảo hiểm xã hội tương ứng với thời gian chậm đóng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Văn M khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần C2 phải nộp tiền bảo hiểm xã hội cho người lao động. Đây là tranh chấp về bảo hiểm xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Công ty Cổ phần C2 có Chi nhánh II - Công ty Cổ phần C2 tại Đà Nẵng tại A T, phường N, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/UBTVQH15 ngày 25.6.2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì ông Lê Văn M lựa chọn và Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn Công ty Cổ phần C2 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội Cơ sở H - Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ lao động:

Mặc dù Công ty Cổ phần C2 vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do ông Lê Văn M và Bảo hiểm xã hội Cơ sở Hòa Cường - Bảo hiểm xã hội thành phố Đ cung cấp. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Ông Lê Văn M ký hợp đồng làm việc tại Chi nhánh I - Công ty Cổ phần C2 tại Đà Nẵng từ năm 2017, được trả lương và trích tiền lương để đóng các khoản bảo hiểm theo mã số bảo hiểm 4816102514. Đến tháng 7.2023, ông Lê Văn M nghỉ việc nhưng Công ty Cổ phần C2 không nộp tiền bảo hiểm cho ông Lê Văn M trong thời gian từ tháng 07.2019 đến tháng 07.2023. Về số chậm nộp, theo đơn khởi kiện ông Lê Văn M xác định số tiền chưa nộp là 44.913.000 đồng đồng. Tuy nhiên theo Văn bản số: 854/BHXXH-BPQLT ngày 07.9.2026 của Bảo hiểm xã hội Cơ sở Hòa Cường - Bảo hiểm xã hội thành phố Đ thì tính đến ngày 08.9.2026, Công ty Cổ phần C2 còn nợ khoản tiền tổng cộng là 75.265.681 đồng. Trong đó, nợ tiền bảo hiểm là 50.743.000 đồng (bảo hiểm xã hội là 42.035.000 đồng, bảo hiểm y tế là 5.598.000 đồng, bảo hiểm thất nghiệp là 2.488.000 đồng, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là 622.000 đồng), tiền lãi chậm đóng là 24.522.681 đồng. Như vậy, số tiền bảo hiểm chưa đóng đúng thực tế được cơ quan bảo hiểm xã hội và ông Lê Văn M thống nhất xác nhận và đề nghị giải quyết là 50.743.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu của ông Lê Văn M:

Tại Điều 168 Bộ luật lao động quy định: *“Người sử dụng lao động, người lao động phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Người lao động được hưởng các chế độ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp”*. Theo quy định tại Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội thì ông Lê Văn M đã tham gia quan hệ lao động và thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc

Tại khoản 4 Điều 13 Luật Bảo hiểm xã hội quy định về trách nhiệm của người sử dụng lao động như sau: *“Đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động theo quy*

định tại Điều 34 của Luật này và hàng tháng trích khoản tiền phải đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại Điều 33 của Luật này từ tiền lương của người lao động để đóng cùng một lần vào quỹ bảo hiểm xã hội”. Đồng thời một trong các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 9 Luật Bảo hiểm xã hội là “Chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp”. Về chế tài xử lý hành vi chậm đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp tại khoản 1 Điều 40 Luật Bảo hiểm xã hội quy định: “Bắt buộc đóng đủ số tiền chậm đóng, nộp số tiền bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp chậm đóng và số ngày chậm đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp”.

Trong quá trình sử dụng lao động, Công ty Cổ phần C2 chậm đóng, đóng không đầy đủ tiền bảo hiểm cho ông Lê Văn M là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Bảo hiểm xã hội. Căn cứ vào các quy định nêu trên của pháp luật thì ông Lê Văn M khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần C2 phải nộp tiền bảo hiểm xã hội còn nợ cho ông Lê Văn M tại Bảo hiểm xã hội Cơ sở Hòa Cường - Bảo hiểm xã hội thành phố Đ số tiền tính đến ngày 08.9.2026 là 75.265.681 đồng (tiền bảo hiểm 50.743.000 đồng, tiền lãi chậm đóng 24.522.681 đồng) và phải tiếp tục chịu tiền lãi do chậm đóng bảo hiểm xã hội cho cơ quan bảo hiểm xã hội từ ngày 09.9.2026 cho đến khi thực hiện xong là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 12 Luật Bảo hiểm xã hội cần được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của ông Lê Văn M được chấp nhận nên Công ty Cổ phần C2 phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định. Ông Lê Văn M là người lao động khởi kiện vụ án liên quan đến bảo hiểm xã hội và đã được xét miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết nói trên nên không đề cập đến.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử và cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 32; Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40, Điều 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/UBTVQH15 ngày 25.6.2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Căn cứ Điều 168 Bộ luật lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 2, 9, 12, 13, 38 và 40 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Tranh chấp bảo hiểm xã hội*” của ông Lê Văn M đối với Công ty Cổ phần C2.

Buộc Công ty Cổ phần C2 phải đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho ông Lê Văn M (từ tháng 07.2019 đến tháng 07.2023; mã số bảo hiểm xã H) tại Bảo hiểm xã hội Cơ sở Hòa Cường - Bảo hiểm xã hội thành phố Đ với số tiền là 75.265.681 đồng. Trong đó, tiền bảo hiểm xã hội là 42.035.000 đồng, tiền bảo hiểm y tế là 5.598.000 đồng, tiền bảo hiểm thất nghiệp là 2.488.000 đồng, tiền bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là 622.000 đồng, tiền lãi chậm đóng là 24.522.681 đồng.

Kể từ ngày 09.9.2026, Công ty Cổ phần C2 còn phải tiếp tục trả lãi suất chậm đóng bảo hiểm xã hội theo mức lãi suất quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội tương ứng với thời gian chậm đóng.

3. Về án phí: Án phí lao động sơ thẩm Công ty Cổ phần C2 phải chịu là 3.763.284 đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Diện